

Số: 279 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 19 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1637/QĐ-BNNMT ngày 06/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 05 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định 1693/QĐ-BNNMT ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định 1583/QĐ-BNNMT ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 49/TTr-SNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi; bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; trồng trọt và bảo vệ thực vật; tài nguyên nước; địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

(Phụ lục Danh mục thủ tục hành chính đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các thủ tục hành chính này được thực hiện kể từ thời điểm có hiệu lực thi hành theo Quyết định số 1637/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 và Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026; 1693/QĐ-BNNMT ngày 11 tháng 5 năm 2026; 1583/QĐ-BNNMT ngày 04/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

a) Ban hành mới:

Ban hành mới 02 thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật có mã thủ tục 2.002338 và 2.002339.

b) Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung:

- 05 thủ tục hành chính có tên và mã thủ tục tương ứng lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật được ban hành tại Quyết định 522/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- 01 thủ tục hành chính có tên và mã thủ tục tương ứng lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm được ban hành tại Quyết định 1513/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai.

- 01 thủ tục hành chính có tên và mã thủ tục tương ứng lĩnh vực địa chất và khoáng sản được ban hành tại Quyết định 616/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành

Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026).

c) Thủ tục hành chính bị bãi bỏ:

- 07 thủ tục hành chính có tên và mã thủ tục tương ứng lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật được ban hành tại Quyết định 522/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 và Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 16/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai.

- 01 thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (mã thủ tục 1.004253).

2. Thủ tục hành chính cấp xã

Sửa đổi, bổ sung 01 thủ tục hành chính có tên và mã thủ tục tương ứng lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm được ban hành tại Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Các nội dung khác tại các Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 05/02/2026; 1513/QĐ-UBND ngày 09/5/2025; 530/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; 427/QĐ-UBND ngày 30/01/2026; 616/QĐ-UBND ngày 10/2/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành giữ nguyên giá trị pháp lý.

Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 16/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực thi hành.

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; triển khai thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức theo quy định tại Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác danh mục và nội dung TTHC đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này và phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện cấu hình, cập nhật quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ theo quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan đảm bảo Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố được kết nối, đồng bộ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tra cứu, khai thác, theo dõi, thống kê, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Lưu: VT, KTN, HCC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng

PHỤ LỤC

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM; TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT; TÀI NGUYÊN NƯỚC; ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /05/2026 của Chủ tịch UBND thành phố)

PHẦN I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

A. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật							
1	2.002338	Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch	05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	- Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm hành chính công thành phố - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 11/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Điều 17 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ; - Mục B.I Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (thủ tục này có hiệu lực từ 01/7/2026)
2	2.002339	Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm xuất	03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp	- Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.	Không	- Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ;	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch	nhận hồ sơ hợp lệ	tại Trung tâm hành chính công thành phố - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường		- Nghị định số 11/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Điều 17 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ; - Mục B.II Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (thủ tục này có hiệu lực từ 01/7/2026)

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật							
1	1.007928	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	- 20 ngày làm việc ¹ - 05 ngày làm việc ²	- Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm hành chính công thành phố	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở	- 2.500.000 đồng/01 cơ sở/lần. ³	- Điều 41 Luật Trồng trọt năm 2018; - Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của

¹ 20 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn; thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).

² 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).

³ Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (trừ cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón): 2.500.000 đồng/01 cơ sở/lần

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				- Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	Nông nghiệp và Môi trường	- 1.200.000 đồng/01 cơ sở/lần ⁴	tháng 12 năm 2025 của Quốc hội; - Điều 12 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ; - Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài Chính; - Điều 10, Điều 11 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ; - Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Mục A.II Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

⁴ Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón: 1.200.000 đồng/01 cơ sở/lần

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	1.012070	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc.	- 08 ngày làm việc ⁵ - 16 ngày làm việc ⁶	- Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm hành chính công thành phố - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố. - Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ. - Điều 23 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ - Điều 20 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. - Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Mục A.XII Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQCP	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

⁵ 08 ngày làm việc đối với trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, an ninh lương thực và dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, ô nhiễm môi trường trên diện rộng.

⁶ 16 ngày làm việc đối với trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ cho người có nhu cầu và năng lực sử dụng giống cây trồng không đạt được thỏa thuận với người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về việc ký kết hợp đồng sử dụng giống cây trồng mặc dù trong 12 tháng (trừ trường hợp bất khả kháng) đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thỏa đáng và người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	
3	1.012063	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm hành chính công thành phố - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố - Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Khoản 2 Điều 165 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 - Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội - Điều 31 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ - Điều 26 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ - Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Mục A.XVI Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQCP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
4	1.012064	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm hành chính công thành phố	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố - Cơ quan giải	Không	- Khoản 2 Điều 165 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005;. - Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				- Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	quyết: Sở Nông nghiệp và Môi trường		- Điều 32 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ - Điều 27 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ - Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Mục A.XV Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	1.012062	Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm tra	- Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm hành chính công thành phố - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội - Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ - Điều 22 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ - Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Mục A.XVII Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQCP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	
II	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm							
1	1.000.058	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường (Quỹ Nông nghiệp và Môi trường); - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố	Không thu phí	- Điều 75 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Nội dung thực hiện theo Quyết định số 1637/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
III	Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản							
1	1.014787	Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm	- 22 ngày làm việc ⁷	Nộp hồ sơ: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định</i> : Chủ tịch Ủy	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số

⁷ Trong đó: thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; thời hạn thẩm định hồ sơ: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; thời hạn trả kết quả giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		công nghệ chế biến khoáng sản		dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	ban nhân dân thành phố - <i>Cơ quan thẩm định hồ sơ:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường		- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15) - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ - Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; - Thông tư 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1583/QĐ-BNNMT ngày 04/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
I	Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
1	1.012073	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ Quyết định số 1674/QĐ- BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện TTHC
2	1.012001	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ Quyết định số 1674/QĐ- BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện TTHC
3	1.012002	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ Quyết định số 1674/QĐ- BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện TTHC
4	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ Quyết định số 1674/QĐ- BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện TTHC
5	1.012003	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ Quyết định số 1674/QĐ- BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện TTHC
6	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ Quyết định số 1674/QĐ- BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện TTHC

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
7	1.012000	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ Quyết định số 1674/QĐ- BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện TTHC
II	Lĩnh vực Tài nguyên nước			
1	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ Quyết định số 1693/QĐ-BNNMT ngày 11/05/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	

PHẦN II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

A. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm							
1	1.012531	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	13 ngày làm việc	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Không	- Điều 15 Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ - Điều 43 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP)	Quyết định số 1637/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

